

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 14/6/2021  
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Trung.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Văn Minh và ông Bùi Đức Hiệp.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Phạm Văn Bảy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành - tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:** Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 14/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2021/TLST-HNGĐ, ngày 08/4/2021 về việc ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14 ngày 21/5/2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị L, sinh năm 1981. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã B, huyện K, Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn Q, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương.

*Bị đơn:* Anh Phan Văn Ch, sinh năm 1977. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, trú quán: Thôn P, xã B, K, Hải Dương.

(Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt và đều có đơn xin vắng mặt tại phiên toà).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, chị Phạm Thị L trình bày:

*Về quan hệ vợ chồng:* Chị kết hôn với anh Phan Văn Ch từ năm 1999 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương. Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, không hòa thuận. Anh Ch mãi chơi, không quan tâm gia đình, không tôn trọng vợ con. Gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Ch.

*Về con chung:* Vợ chồng có một con chung là Phan Quốc Đ, sinh năm 2001, đã trưởng thành, tự lập.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản tự khai, anh Ch trình bày:

*Về quan hệ vợ chồng:* Anh kết hôn với chị L từ năm 1999 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương. Do làm ăn kinh tế sa sút, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hiểu và

không thông cảm cho nhau. Năm 2019 chị L đưa con về quê sinh sống nên tình cảm vợ chồng càng xa lánh, không quan tâm và không còn liên lạc với nhau. Nay chị L xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn chị L.

*Về con chung:* Vợ chồng có một con chung là Phan Quốc Đ, sinh năm 2001, đã trưởng thành, tự lập.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà: Chị L xin vắng mặt tại phiên tòa và giữ nguyên quan điểm như quá trình giải quyết vụ án.

Anh Ch có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn chị L; về con chung đã trưởng thành tự lập; về tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu giải quyết.

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa công bố tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn cơ bản thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự. Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị L được ly hôn anh Ch.
- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

[1] *Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:* Chị Phạm Thị L và anh Phan Văn Ch đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 15 Điều 70; Điều 228; Điều 238 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ vợ chồng*: Chị Phạm Thị L và anh Phan Văn Ch kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B huyện K, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không đồng cảm, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Bản thân anh Ch cũng xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và anh cũng đồng ý ly hôn chị L. Qua lời khai của bố đẻ anh Ch, xác minh tại địa phương nơi anh Ch chị L sinh sống, xác định được chị L anh Ch có nhiều mâu thuẫn. Nay chị L xin được ly hôn anh Ch, căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị L được ly hôn anh Ch là phù hợp.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng chị L anh Ch có một con chung là Phan Quốc Đ, sinh năm 2001, đã trưởng thành, tự lập.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh Ch và chị L đều không yêu cầu nên không phải giải quyết.

[5] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:** Điều 39 Bộ luật dân sự. Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**1. Về quan hệ vợ chồng:** Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Phan Văn Ch .

**2. Về án phí:** Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2018/0001724, ngày 07/4/2021.

**3. Về quyền kháng cáo:** Chị L và anh Ch được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

**Nơi nhân:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Kim Thành;
- UBND xã Bình Dân, huyện Kim Thành;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Trung**